

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ
NGUYỄN THỊ MƠ. Sinh kế cho người
khuyết tật vùng đồng bằng sông Hồng

Chuyên ngành: Kinh tế lao động

Mã số: 9340404

Theo khảo sát quốc gia về người khuyết tật (NKT) của Tổng cục Thống kê năm 2016, tỷ lệ NKT ở Việt Nam chiếm 7% dân số. Trong xã hội, NKT gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm, hoặc phải làm việc với mức thu nhập thấp hơn người bình thường. Yếu tố gây cản trở trong việc tìm kiếm việc làm của NKT chính là áp lực xã hội cũng như nhận thức tiêu cực, sai lầm của người sử dụng lao động. Số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2019 cho thấy, vùng đồng bằng sông Hồng có tổng dân số trên 22,5 triệu người, trong đó có trên 980 nghìn NKT, chiếm 8,1% dân số vùng và đứng thứ 2 cả nước về số NKT. Trong số những NKT trong độ tuổi lao động ở Việt Nam, có khoảng 30% chưa có việc làm và mong muốn tìm được việc làm, con số này ở đồng bằng sông Hồng là 41,86%. Kết quả nghiên cứu của Luận án nhằm góp phần đưa ra những giải pháp sinh kế cho NKT vùng đồng bằng sông Hồng để họ giảm bớt khó khăn, duy trì được cuộc sống.

Nội dung chính của Luận án được trình bày trong 5 chương. Chương 1, 2, 3 *trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận, phương pháp luận nghiên cứu.* Chương 4 và 5 *phân tích kết quả nghiên cứu, đưa ra một số thảo luận và hàm ý chính sách.* Dưới đây là một số kết quả nghiên cứu nổi bật của Luận án.

NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật, khiến việc lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn (Luật Người khuyết tật năm

2010). Sinh kế của NKT chịu ảnh hưởng của 5 nguồn vốn sinh kế gồm: vốn con người, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn xã hội. Kết quả nghiên cứu của Luận án tại Hà Nội, Hải Dương, Quảng Ninh và Thái Bình cho thấy thực trạng sinh kế của NKT vùng đồng bằng sông Hồng như sau:

Nguồn vốn tự nhiên của NKT phụ thuộc vào diện tích đất được giao của cả hộ gia đình hoặc của hợp tác xã NKT. Diện tích đất bình quân của hộ gia đình có NKT là 482,05 m², trong đó diện tích bình quân của hộ có NKT tại tỉnh Thái Bình là cao nhất với 663,13 m², thấp nhất là Hà Nội với 398,75 m². NKT ở một số địa phương đã sử dụng tốt nguồn vốn tự nhiên này cho sinh kế của mình. Điển hình như hợp tác xã Tâm Ngọc ở Hà Nội với 41 thành viên là NKT đã được giao 13 ha để trồng cây dược liệu theo tiêu chuẩn hữu cơ thuận tự nhiên, thu nhập trung bình của các thành viên là 1,5-8 triệu đồng/tháng, góp phần ổn định cuộc sống cho NKT.

Nguồn vốn vật chất của xã hội hỗ trợ các hoạt động sinh kế của NKT tại địa bàn khảo sát bao gồm: hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng phục vụ cho NKT. Với xu thế phát triển của xã hội, NKT đang nỗ lực hòa nhập với cộng đồng, ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động, dịch vụ xã hội. Vì vậy, việc tiến hành cải tạo và sửa chữa các công trình công cộng đảm bảo NKT có thể tiếp cận và sử dụng là thiết thực và cần thiết trong việc góp phần xây dựng một xã hội không rào cản với NKT. Việt Nam đã có nhiều thay đổi tích cực về giao thông công cộng cho NKT với các chính sách như: ban hành lộ trình xây dựng, cải tạo công trình giao thông, phương tiện giao thông để NKT tiếp cận được, miễn giảm

giá vé và dịch vụ cho NKT,... Tuy nhiên, nhìn chung việc thực thi các chính sách giao thông tiếp cận với NKT vẫn bất cập, khiến NKT còn gặp nhiều khó khăn khi tham gia giao thông công cộng.

Nguồn vốn tài chính của NKT cũng còn nhiều hạn chế. NKT chưa có điều kiện tiếp cận nhiều nguồn vốn ưu đãi để học nghề, tự tạo việc làm. Các địa phương cũng chưa có cơ chế rõ ràng để phân bổ nguồn vốn vay cho đối tượng này, dẫn đến tỷ lệ NKT được tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi còn thấp.

Nguồn vốn con người của NKT đã được các địa phương quan tâm. Đề án 1019 về trợ giúp NKT (giai đoạn 2013-2020) đã triển khai dạy nghề cho NKT qua hai phương thức là phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tuyển sinh NKT, hoặc trực tiếp mở các lớp dạy nghề cho NKT từ nguồn kinh phí của Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ. Các ngành nghề đào tạo cho NKT chủ yếu là thủ công, mỹ nghệ phù hợp với dạng tật, mức độ khuyết tật, làm việc tĩnh tại ít phải di chuyển, học xong có việc làm ngay, như: may công nghiệp, đan, thêu, móc sợi, mộc dân dụng, tranh đá quý, làm chổi đót, chăn nuôi gia súc, gia cầm,... Chẳng hạn, tại tỉnh Quảng Ninh, Hội Người mù đã cho hội viên vay tổng số vốn là 1.085 tỷ đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm, tổ chức các lớp dạy nghề khuyến nông, khuyến ngư cho NKT; sau quá trình đào tạo đã có 90% hội viên được bố trí việc làm, có 26 cơ sở sản xuất kinh doanh tạo việc làm ổn định cho 116 lao động.

Nguồn vốn xã hội là yếu tố quan trọng trong sinh kế của NKT. Việc tham gia các hoạt động xã hội sẽ giúp NKT hòa nhập cộng đồng và phát huy được khả năng của mình, đóng góp cho xã hội. Tất cả các tỉnh thành của vùng đồng bằng sông Hồng đều

có Hội Người khuyết tật hay hợp tác xã của NKT.

Kết quả nghiên cứu của Luận án cho thấy, trong 5 nguồn vốn trên, có 3 nguồn vốn có tác động tích cực đến kết quả sinh kế (cụ thể là thu nhập) của NKT ở vùng đồng bằng sông Hồng, đó là: vốn con người, vốn xã hội và vốn tài chính. Trong số đó, vốn con người có vai trò quan trọng nhất.

Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách cho các bên liên quan như: Đối với các địa phương, cần tập huấn nâng cao năng lực cho NKT trong khởi nghiệp và phát triển sinh kế, xây dựng các chính sách đào tạo nghề phù hợp, xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động dành cho NKT, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm,... Đối với Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ ngành Trung ương, cần xây dựng cơ sở dữ liệu về NKT trên toàn quốc, tổ chức rà soát các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho NKT, mở rộng hạn mức tín dụng cho vay đối với NKT. Đối với cơ sở đào tạo nghề, cần tổ chức rà soát các điều kiện về tiếp cận cho NKT, điều chỉnh chương trình, thời lượng đào tạo phù hợp để có thể tiếp nhận NKT vào học,... Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng lao động là NKT, cần tạo điều kiện và đảm bảo cơ sở vật chất để có thể tiếp nhận NKT vào làm việc. Đối với NKT, cần hòa nhập với xã hội một cách tự nhiên, tham gia đầy đủ vào đời sống xã hội để hưởng mọi lợi ích và cơ hội như người bình thường; tham gia vào các hoạt động học tập, đào tạo nghề,...; tích cực tham gia góp ý các văn bản liên quan đến các chế độ, chính sách cho NKT.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp trường, họp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 02/2024.

HOÀI PHÚC
giới thiệu